TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 6 - 2020
"V/v: Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp; ông Y Đo Niê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị H N Byă, sinh năm 1983. Địa chỉ: Buôn T, xã K, huyện M, tỉnh ĐắkLắk. Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Y N Niê, sinh năm 1980. Địa chỉ: Buôn T, xã K, huyện M, tỉnh ĐắkLắk. Anh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị H N Byă trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H N Byă và anh Y N Niê tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2003, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục của người dân tộc Ê đê nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị N và anh N thường xuyên mâu thuẫn, xô sát, do bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống, anh N không chịu tu chí làm ăn không quan tâm đến gia đình. Chị N và anh N đã được gia đình hai bên, buôn làng hòa giải nhưng không thành và đã

không sống chung với nhau từ năm 2017. Nhận thấy tình cảm không còn, nên chị H N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Y N.

- Về con chung: anh chị có hai con chung là Y Q Byă, sinh ngày 02/10/2004 và H L Byă, sinh ngày 16/9/2009. Năm 2017, khi hai vợ chồng thỏa thuận ly hôn theo phong tục của dân tộc Ê đê đã thống nhất chị N là người trực tiếp nuôi cả hai con và hiện nay cả hai con đều đang sống cùng nên chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

** Bị đơn anh Y N Niê trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn như nội dung chị N đã trình bày. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh N đồng ý yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị N.

Về tài sản, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, các đương sự không đăng ký kết hôn, nên không công nhận quan hệ vợ chồng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung, chị N trực tiếp nuôi con chung là Y Q Byă, sinh ngày 02/10/2004 và H L Byă, sinh ngày 16/9/2009 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: Buôn T, xã K, huyện M, tỉnh Đắk lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 BLTTDS, Tòa án xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân : Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, mặc dù anh chị có đủ điều kiện để kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nên HĐXX cần áp dụng Điều 14 và

Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

Về con chung cần áp dụng Điều 15 và Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết hậu quả.

[**3**] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Y Q Byă, sinh ngày 02/10/2004 và H L Byă, sinh ngày 16/9/2009, hiện nay đang sống cùng nguyên đơn và đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, đảm bảo quyền và lợi ích cho con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc Ê Đê sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 147, 220 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9 14, 15, 16, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Y N Niê và chị H N Byă.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung: Giao con chung Y Q Byă, sinh ngày 02/10/2004 và H L Byă, sinh ngày 16/9/2009 cho chị H N Byă nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình cho chị H N Byă .

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-THADS huyện M'Đrắk;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Vũ Thị Hải